

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Pho

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hoa

Bà Trần Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 516/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 15a/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 35, thôn T, xã K, huyện C, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Viết D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 35, thôn T, xã K, huyện C, tỉnh B.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản làm việc tại tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thu T trình bày:

Bà Lê Thị Thu T và ông Hồ Viết D tìm hiểu nhau rồi đi đến sống chung với nhau, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 26/02/2008. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng về sau thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi vã nhau. Ông D không lo làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình mà chỉ ham chơi, cờ bạc. Bà T lo làm kiếm tiền bao

nhiều thì ông D lấy tiền đi cờ bạc bấy nhiêu. Vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình cho con cái nên bà T cố gắng nhẫn nhịn, khuyên nhủ ông D thay đổi nhưng ông D vẫn chứng nào tật nấy, không chịu thay đổi. Nay bà T nhận thấy cuộc sống hôn nhân vợ chồng không thể kéo dài thêm được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Viết D.

Về con chung: Bà Lê Thị Thu T và ông Hồ Viết D có 02 người con chung là Hồ Viết Anh K, sinh ngày 25/01/2009 và cháu Hồ Viết Gia H, sinh ngày 30/6/2016. Bà Lê Thị Thu T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà T, Tòa án triệu tập ông D để làm việc, ông D không đến Tòa làm việc. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Thu T. Về con chung: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của hai cháu Hồ Viết Anh K và cháu Hồ Viết Gia H, nên cần giao hai cháu K và H cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông D không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Thu T và ông Hồ Viết D sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, nay bà T xin ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Hồ Viết D là xã K, huyện C, tỉnh B nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử là đúng theo quy định tại các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu T và ông Hồ Viết D sống chung với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh B. Trong quá trình chung sống do phát sinh

mâu thuẫn nên bà T và ông D đã ly thân nhau từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà T, Tòa án triệu tập ông Hồ Viết D để làm việc ông D không đến, Tòa án thông báo hòa giải về quan hệ hôn nhân nhưng ông D không đến để Tòa án hòa giải, điều này chứng tỏ ông D không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh thực tế về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D tại địa phương nơi ông D cư trú thôn T, xã K, huyện C, tỉnh B. Kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Hồ Viết D và bà Lê Thị Thu T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện nay thì bà T và ông D đã ly thân với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Thu T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống thì bà T và ông D có 02 con chung là Hồ Viết Anh K, sinh ngày 25/01/2009 và cháu Hồ Viết Gia H, sinh ngày 30/6/2016. Xét thấy, từ khi bà T và ông D ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay thì bà T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K và Cháu H, cuộc sống hai cháu K và H đã ổn định. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của hai cháu K và H nên cần giao cháu Hồ Viết Anh K, sinh ngày 25/01/2009 và cháu Hồ Viết Gia H, sinh ngày 30/6/2016 cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Ông D không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Thu T được ly hôn với ông Hồ Viết D.

Về con chung: Bà Lê Thị Thu T và ông Hồ Viết D có 02 con chung là Hồ Viết Anh K, sinh ngày 25/01/2009 và cháu Hồ Viết Gia H, sinh ngày 30/6/2016.

Bà Lê Thị Thu T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hồ Viết Anh K, sinh ngày 25/01/2009 và cháu Hồ Viết Gia H, sinh ngày 30/6/2016 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Ông Hồ Viết D không cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết

định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị Thu T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai số 0002726 ngày 03/12/2019. Như vậy bà Lê Thị Thu T đã nộp xong án phí.

Hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2020); Bà Lê Thị Thu T, ông Hồ Viết D vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA.tỉnh B;
- VKSND H. C;
- Chi cục THA Dân sự H. C;
- Các đương sự;
- UBND xã K, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hữu Pho